















Số lô hạn dùng được đập nổi ở chân vỉ dưới dạng
LSX nnmmy HD nnmmy

Alpha tocopheryl acetate 400 IU

Nhà sản xuất:
Công ty cổ phần Dược phẩm CPC-I Hà Nội
Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội

Lô 30 viên

Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ánh sáng, tránh ẩm, nhiệt độ dưới 30°C

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS

Mỗi viên nang mềm chứa:
Alpha tocopheryl acetat 400 IU

Dạng bào chế:
Viên nang mềm.

Độc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Đề xa tám tay trẻ em

Số ĐK:
Số lô SX:
NSX:
HD:

Nhà sản xuất:



Công ty Cổ phần Dược phẩm CPCI Hà Nội
Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình,
huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

Alpha tocopheryl acetate 400 IU

Premivit E



Nhà sản xuất:
Công ty cổ phần Dược phẩm CPC Hà Nội
Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội

Thành phần:

Mỗi viên nang mềm chứa:
Alpha tocopheryl acetat.....

Alpha tocopheryl acetat..... 400 IU

Chỉ định, chống chỉ định, liều lượng, cách dùng và các thông tin khác:

Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng kèm theo.

Dạng bảo chế:
Viên nang mềm.

Độc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Để xa tầm tay trẻ em

Số ĐK:
Số lô SX:
NSX:
HD:

Nhà sản xuất:



Công ty Cổ phần Dược phẩm CPI Hà Nội
Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình,
huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

Premivit

Alpha tocopheryl acetate 400 IU

E

120 viên

Thêm phân:
Mỗi viên nang mềm chứa:
Alpha tocopheryl acetat..... 400 IU

Chỉ định, chống chỉ định, liều lượng, cách dùng và các thông tin khác:
Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng kèm theo.

Dạng bào chế:
Viên nang mềm.

Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ánh sáng, tránh ẩm, nhiệt độ dưới 30°C

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS

Mã vạch nếu có

Nhà sản xuất:

Công ty Cổ phần Dược phẩm CPCI Hà Nội
Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội

CPC I H A N O I

Số ĐK:
Số lô SX:
NSX:
HD:

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Đề xa tầm tay trẻ em

Nhà sản xuất:

Công ty Cổ phần Dược phẩm CPCI Hà Nội
Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình,
huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

CPC I H A N O I

PremivitE

Alpha tocopheryl acetat 400 IU/viên

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng



Thành phần:

Mỗi viên nang mềm chứa:

Thành phần hoạt chất:

Alpha tocopheryl acetat..... 400 IU

Thành phần tá dược:

Gelatin, glycerin, sorbitol, methylparaben, propylparaben, vanilin, ethanol, nước tinh khiết (dung môi bay hơi một phần).

Dạng bào chế: Viên nang mềm

Mô tả: Viên nang mềm, viên khô cầm không dính tay, bên trong chứa dịch thuốc.

Chỉ định

- Hỗ trợ điều trị suy giảm khả năng sinh sản ở nam và nữ
- Điều trị bổ sung nhằm giảm bớt một số triệu chứng khó chịu trong thời kỳ mãn kinh (bốc hỏa).
- Điều trị bổ sung nhằm giảm bớt triệu chứng khó chịu trong kỳ kinh nguyệt (giảm đau và chảy máu).
- Hỗ trợ điều trị các bệnh thoái hóa da và niêm mạc đường hô hấp, viêm da cơ và viêm cơ thuộc loại thoái hóa.
- Rối loạn vận động ruột, hỗ trợ điều trị các bệnh thoái hóa của hệ thần kinh (ví dụ: bệnh Alzheimer), hệ khớp và gân,
- Rối loạn dinh dưỡng và rối loạn tái hấp thu (suy dinh dưỡng, chế độ ăn mất cân đối không có vitamin E, các bệnh lý sau phẫu thuật đường ruột và dạ dày, bệnh gan, rối loạn hấp thu chất béo và vitamin tan trong chất béo),
- Là thuốc hỗ trợ điều trị các bệnh thấp khớp và một số bệnh nội tiết (rối loạn tuyến giáp, rối loạn nội tiết tố tuyến sinh dục, vô sinh nam).
- Phòng ngừa xơ vữa động mạch (bệnh tim thiếu máu cục bộ, bệnh mạch máu não).

Liều dùng và cách dùng

Liều dùng

Cá thể hóa tùy theo chỉ định và có thể cả nồng độ vitamin E trong huyết thanh, đặc biệt nếu cần sử dụng sản phẩm liều cao trong thời gian dài (trên 800 – 1000 mg mỗi ngày) (2-3 viên mỗi ngày).

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi thường 200-400 mg mỗi ngày (1 viên) trong vài tuần. Đối với chứng loạn dưỡng cơ và một số bệnh thoái hóa của hệ thần kinh (ví dụ bệnh Alzheimer) lên tới 2 g mỗi ngày.

Đối với phụ nữ mang thai và cho con bú, bác sĩ sẽ luôn xác định liều lượng chính xác. Liều cho phụ nữ mang thai và cho con bú từ 14 đến 18 tuổi không được vượt quá 800 mg (2 viên) mỗi ngày, đối với phụ nữ mang thai và cho con bú trên 18 tuổi là 1.000 mg mỗi ngày.

Dân số trẻ em

Liều lượng tùy theo từng cá nhân, tùy theo mức độ nghiêm trọng của tình trạng thiếu hụt và có thể cả nồng độ vitamin E trong huyết thanh. Liều lượng chính xác luôn được xác định bởi bác sĩ. Đối với trẻ từ 4-8 tuổi, liều không quá 300 mg mỗi ngày (sử dụng dạng bào chế có hàm lượng thích hợp với liều dùng), đối với trẻ từ 9-12 tuổi là 600 mg mỗi ngày.

Cách dùng



Thuốc được dùng tốt nhất sau bữa ăn, nuốt viên nang mà không cần nhai với 200 ml chất lỏng.

Chống chỉ định

Quá mẫn với thành phần thuốc.

Trẻ em dưới 3 tuổi do dạng bào chế không phù hợp.

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Vitamin E có thể làm tăng nguy cơ chảy máu, đặc biệt ở những bệnh nhân bị thiếu vitamin K

Tá được

Thuốc này có chứa methylparaben và propylparaben có thể gây phản ứng dị ứng (có thể xảy ra chậm).

Thuốc này có chứa một lượng nhỏ ethanol (alcol), dưới 100 mg trong mỗi viên.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Nếu tuân thủ liều lượng khuyến cáo, sản phẩm có thể được dùng cho phụ nữ mang thai và cho con bú. Liều lượng trong thời kỳ mang thai và cho con bú luôn do bác sĩ quyết định.

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc

Không ảnh hưởng đối với những người lái xe và vận hành máy móc

Tương tác, tương kỵ của thuốc

Tương tác thuốc

Khả năng tăng cường tác dụng của thuốc chống đông máu. Vitamin E có thể làm giảm hoạt động của vitamin K. Các chất hạn chế sự tái hấp thu chất béo có thể làm giảm sự tái hấp thu vitamin E (chelate, thuốc nhuận tràng, hạ lipid máu).

Tương kỵ thuốc

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác

Tác dụng không mong muốn của thuốc

Nếu tuân theo liều lượng khuyến cáo, tác dụng không mong muốn hiếm khi xảy ra. Tác dụng phụ có thể xảy ra khi dùng vitamin E liều cao (1 g mỗi ngày), được tóm tắt trong bảng sau. Tần suất xuất hiện không thể được xác định từ dữ liệu có sẵn.

Các lớp cơ quan của hệ thống MedDRA	Tác dụng phụ
Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng	Mức cholesterol tăng cao
Rối loạn tiêu hóa	Đau bụng, tiêu chảy
Rối loạn chung và tình trạng tại chỗ dùng thuốc	Suy nhược

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ khi gặp các tác dụng không mong muốn như trên khi sử dụng thuốc hoặc báo cáo các phản ứng có hại của thuốc về Trung tâm Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc (ADR) Quốc Gia

Quá liều và cách xử trí

Vitamin E với liều 400-800 mg mỗi ngày trong thời gian dài có thể dẫn đến quá liều, cụ thể là suy giảm thị lực, tiêu chảy, chóng mặt, nhức đầu, buồn nôn hoặc đau bụng, mệt mỏi và suy nhược nghiêm trọng. Liều rất cao (trên 800 mg mỗi ngày trong thời gian dài) có thể làm tăng xu hướng chảy máu, đặc biệt ở những bệnh nhân thiếu vitamin K và có thể làm thay đổi quá trình chuyển hóa của hormone tuyến giáp. Trong trường hợp quá liều, phải ngừng sử dụng sản phẩm và nếu cần thiết phải điều trị triệu chứng và đảm bảo cung cấp đủ chất lỏng và khoáng chất.

1000g
NG TY
PHÂN
C PHẢ
HÀ N
TIN - T

Đặc tính dược lực học

Mã ATC: A11HA03

Nhóm tác dụng dược lý: Chế phẩm vitamin đơn khác

Cơ chế hoạt động

Tocopherol-alpha (vitamin E) là chất hiệu quả nhất trong nhóm tocopherol. Trong cơ thể, nó tham gia vào nhiều quá trình oxy hóa-khử ở mức độ chuyển hóa tế bào. Nó hoạt động như một chất khử các gốc oxy tự do, do đó có tác dụng bảo vệ tế bào. Tương tự, nó góp phần ổn định một số enzyme và hormone.

Đặc tính dược động học

Vitamin E được hấp thu từ hệ tiêu hóa phụ thuộc vào sự hiện diện của mật và chức năng bình thường của tuyến tụy. Lượng vitamin E được hấp thu dao động rất lớn từ 20-80% và có xu hướng thấp hơn ở liều cao. Các chylomicron trong bạch huyết đi vào máu và liên kết với beta-lipoprotein. Vitamin E được phân phối rất nhanh đến tất cả các mô và được lưu trữ trong chất béo. Một phần vitamin E được gan chuyển hóa thành acid tocopheronic glucuronide và các γ -lactone của nó. Một phần được bài tiết qua nước tiểu, nhưng phần lớn liều dùng được thải trừ chậm qua mật. Vitamin E có thể đi vào sữa mẹ, nhưng chỉ qua nhau thai với mức độ hạn chế.

Dữ liệu an toàn tiền lâm sàng

Sản phẩm được coi là không độc hại.

Quy cách đóng gói:

15 viên nang mềm/vi. Hộp 1 vi, 2 vi, 4 vi, 6 vi, 8 vi.

Lọ 30 viên, 60 viên, 90 viên, 120 viên.

Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ánh sáng, tránh ẩm, nhiệt độ dưới 30°C

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS

Nhà sản xuất



CPC1HN

Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội,
Việt Nam

BS5 T4/2025